

CHÍNH PHỦ
Số: 07/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý về người được trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, Trợ giúp viên pháp lý và cộng tác viên trợ giúp pháp lý, hoạt động trợ giúp pháp lý và quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

Điều 2. Người được trợ giúp pháp lý

- Người nghèo được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật.
- Người có công với cách mạng được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý bao gồm:
 - Người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;
 - Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
 - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;
 - Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

đ) Bệnh binh;

e) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

g) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

h) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;

i) Người có công giúp đỡ cách mạng;

k) Cha, mẹ, vợ, chồng của liệt sĩ; con của liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

3. Người già được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không có nơi nương tựa.

4. Người tàn tật được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn hoặc là người bị nhiễm chất độc hoá học, bị nhiễm HIV hoặc bị các bệnh khác làm mất năng lực hành vi dân sự mà không có nơi nương tựa.

5. Trẻ em được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người dưới 16 tuổi không nơi nương tựa.

6. Người dân tộc thiểu số được trợ giúp pháp lý theo khoản 4 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

7. Các đối tượng khác được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Trợ giúp pháp lý là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Trung tâm) và các Chi nhánh của Trung tâm.

2. Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Trợ giúp pháp lý bao gồm:

- a) Văn phòng luật sư, Công ty luật theo quy định của pháp luật về luật sư;
- b) Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước và các cơ quan thông tin đại chúng trong trợ giúp pháp lý

1. Các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian làm việc để cán bộ, công chức, viên chức tham gia làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây gọi tắt là cộng tác viên); phối hợp triển khai hoạt động trợ giúp pháp lý theo đề nghị của Trung tâm, Chi nhánh của Trung tâm; tạo điều kiện cung cấp thông tin tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý; trả lời kiến nghị về những vấn đề liên quan đến thi hành pháp luật.

2. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên thông tin về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; tạo điều kiện hỗ trợ và phối hợp thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của Trung tâm, Chi nhánh.

Điều 5. Khuyến khích Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tham gia công tác trợ giúp pháp lý

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi hoạt động của tổ chức mình tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý; khuyến khích các thành viên, hội viên tham gia làm cộng tác viên; tạo điều kiện, phối hợp, cộng tác và hỗ trợ Trung tâm, các Chi nhánh của Trung tâm thực hiện công tác trợ giúp pháp lý có hiệu quả.

Điều 6. Thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ trợ giúp pháp lý

1. Quỹ trợ giúp pháp lý (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập dựa trên sự đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân; hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện làm việc cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương có khó khăn về kinh tế, bao gồm các tỉnh thuộc diện ngân sách trung ương phải hỗ trợ, các địa phương có khó khăn đột xuất và một số trường hợp đặc biệt khác.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Quỹ trợ giúp pháp lý. Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tài chính; chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý hoạt động của Quỹ.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng. Quỹ có Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán và bộ phận giúp việc. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

3. Mọi hoạt động thu, chi về tài chính của Quỹ phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Chương II

TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 7. Vị trí pháp lý của Trung tâm

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) quyết định thành lập Trung tâm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp. Tên gọi của Trung tâm là "Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước" kèm theo tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng.

2. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp. Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm

1. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm thực hiện việc xây dựng chương trình, kế

hoạch trợ giúp pháp lý dài hạn và hàng năm ở địa phương trình Giám đốc Sở Tư pháp phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đó.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý bao gồm:

a) Thực hiện tư vấn pháp luật, cử người tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và thực hiện các hình thức trợ giúp pháp lý khác cho người được trợ giúp pháp lý theo các lĩnh vực trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 34 Nghị định này;

b) Thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động và các hoạt động trợ giúp pháp lý khác quy định tại các Điều 35, 36, 37, 40 và Điều 41 Nghị định này; chịu trách nhiệm và phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý cho nhân dân;

c) Quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho Chi nhánh; hướng dẫn hoạt động đối với Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý và các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý khác;

d) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý cho Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên của Trung tâm và Chi nhánh; hỗ trợ bồi dưỡng nghiệp vụ cho tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

đ) Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, tổ chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý cho Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên của Trung tâm và Chi nhánh;

e) Quản lý, theo dõi, kiểm tra hoạt động trợ giúp pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên và các cán bộ khác của Trung tâm và Chi nhánh theo thẩm quyền.

3. Đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc trợ giúp pháp lý; thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với cộng tác viên tham gia trợ giúp pháp lý; phối hợp với các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác để xác minh vụ việc trợ giúp pháp lý.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện trợ giúp pháp lý của Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên của Trung tâm và Chi nhánh.

5. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý.